TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/DS-ST
Ngày: 07/8/2019
"V/v tranh chấp hợp đồng vay"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thị Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Hà Minh Tấn.

2/ Ông Ngô Khắc Tâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hiếu Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long An

Trong ngày 07/8/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2019/TLST-DS ngày 22/03/2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-DS ngày 01/07/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐST-DS ngày 17/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng C Việt Nam

Địa chỉ: Số X phố Linh Đ, phường Hoàng L, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Khắc H– Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Tân T; địa chỉ: khu phố 1, thị trấn Tân T, huyện Tân T, tỉnh Long An (có mặt).

Bị đơn: Bà Trịnh Thị Ngọc U, sinh năm: 1986 (vắng mặt)

Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ*:* ấp Lò Đ, xã Tân B, huyện Tân T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời trình bày tại Tòa án của nguyên đơn như sau:

Ông Trần Văn Đ và bà Trịnh Thị Ngọc U có vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Tân T, cụ thể như sau:

- Ngày 24/07/2013, ông Trần Văn Đ đứng tên vay vốn chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường theo mã món vay số 6000005400130487, số tiền còn nợ: 3.000.000. đồng, lãi suất 0,9%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng 24/07/2018. Món vay đã chuyển nợ quá hạn vào ngày 07/08/2018, lãi suất nợ quá hạn: 1.17%/tháng.

- Ngày 25/03/2016, ông Trần Văn Đ đứng tên vay vốn chương trình Hộ cận nghèo theo mã món vay số 6600000706938652, số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 0,66%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng 25/03/2019.

Ngân hàng C yêu cầu ông Trần Văn Đ và bà Trịnh Thị Ngọc U liên đới chịu trách nhiệm trả nợ Ngân hàng số tiền gốc 53.000.000 đồng và lãi phát sinh

Bị đơn ông Trần Văn Đ và bà Trịnh Thị Ngọc U đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất cùng vào ngày 22/03/2019, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai vào ngày 16/4/2019. Nhưng tại hai buổi Tòa án tổ chức hòa giải: lần thứ nhất vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 16/4/2019 và lần thứ hai vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 06/5/2019, ông Đ, bà U vắng mặt không lý do nên không thể hiện ý kiến.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn Đ và bà Trịnh Thị Ngọc U liên đới trả số tiền vay gồm: khoản nước sạch vệ sinh môi trường số tiền gốc 3.000.000đ, tiền lãi đến ngày 07/8/2019 là 529.494đ; khoản vay chương trình hộ cận nghèo số tiền gốc 50.000.000đ, tiền lãi là 5.571.702đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân T theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa ông Đ, bà U vắng mặt. Nhưng xét thấy Tòa án đã tiến hành tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXDS-ST ngày 01/07/2019 nhưng tại phiên tòa vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 17/07/2019 hai bị đơn vắng mặt lần thứ nhất không lý do. Tòa án đã có quyết định hoãn phiên tòa số

17/2019/QĐST-DS ngày 17/7/2019 và đã tiến hành tống đạt quyết định hoãn phiên tòa cho hai bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay, ngày 07/8/2019, ông Đ và bà U vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Do đó căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt hai bị đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp trong vụ án: tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu ông Đ, bà U phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền còn nợ là 53.000.000đ và tiền lãi phát sinh. Xét thấy số nợ là do ông Đ, bà U cùng vay và phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Đ, bà U nên là nợ chung của vợ chồng. Do đó ông Đ, bà U phải cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 288 Bộ luật dân sự.

[3] Trước yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nên không thể hiện ý kiến. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự "2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Do đó có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy, ông Đ và bà U được ưu tiên vay tiền của Ngân sách xã hội nhưng đã vi phạm hợp đồng, không thanh toán đúng thỏa thuận, do đó để đảm bảo thu hồi nợ của Nhà nước theo quy định của pháp luật, cần buộc ông Đ, bà U phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng C Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Tân T số tiền nợ gốc của hai khoản vay là 53.000.000đ (Năm mươi ba triệu đồng) và tiền lãi của hai khoản vay là 6.101.196đ (Sáu triệu một trăm lẻ một nghìn một trăm chín mươi sáu đồng).

[4] Về án phí: Bị đơn thuộc diện hộ cận nghèo tại thời điểm vay tiền, tuy nhiên, hiện nay bị đơn vắng mặt, không có cơ sở xác định hiện nay bị đơn còn thuộc diện hộ cận nghèo hay không và cũng không có đơn đề nghị xét miễn án phí nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C Việt Nam. Buộc ông Trần Văn Đ và bà Trịnh Thị Ngọc U có nghĩa vụ trả cho trả cho Ngân hàng C Việt Nam

(Thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chuyện Tân T) số tiền nợ gốc là 53.000.000đ (Năm mươi ba triệu đồng) và tiền lãi là 6.101.196đ (Sáu triệu một trăm lẻ một nghìn một trăm chín mươi sáu đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 59.101.196đ (Năm mươi chín triệu một trăm lẻ một nghìn một trăm chín mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, ông Trần Văn Đ và bà Trịnh Thị Ngọc U còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí:

Ngân hàng C Việt Nam không phải chịu án phí.

Ông Trần Văn Đ và bà Trịnh Thị Ngọc U phải chịu 2.955.060đ (Hai triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn không trăm sáu mươi đồng).

3. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tân T;
- Chi cục THADS huyện Tân T;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Ánh